

Số: /STP-VBPB&TDTHPL
V/v hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu, tiêu chí “Chuẩn tiếp cận pháp luật” thuộc Bộ tiêu chí xã, huyện nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao

Trà Vinh, ngày tháng 9 năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh tại Công văn số 2167/VP-NN ngày 19/8/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về việc thực hiện Quyết định số 1723/QĐ-BTP ngày 15/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Để thực hiện đạt tiêu chí, chỉ tiêu “Chuẩn tiếp cận pháp luật” thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Sở Tư pháp hướng dẫn một số nội dung, cụ thể như sau:

I. CÁC VĂN BẢN ÁP DỤNG THỰC HIỆN

1. Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (gọi tắt là Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg).

2. Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 (gọi tắt là Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg).

3. Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (gọi tắt là Thông tư số 09/2021/TT-BTP).

4. Quyết định số 1723/QĐ-BTP ngày 15/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Hướng dẫn tiêu chí huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới, tiêu chí tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 và tiêu chí quận, thị xã, thành phố đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc tiêu chí quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh (gọi tắt là Quyết định số 1723/QĐ-BTP).

5. Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025.

6. Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

7. Các văn bản hướng dẫn khác có liên quan:

- Công văn số 551/STP-VBPB&TDTHPL ngày 28/4/2022 của Sở Tư pháp về việc thực hiện một số nội dung trọng tâm trong xây dựng xã nông thôn mới nâng cao đạt Tiêu chí “Tiếp cận pháp luật” và huyện nông thôn mới đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Công văn số 951/STP-VBPB&TDTHPL ngày 15/7/2022 của Sở Tư pháp về việc thực hiện một số nội dung trọng tâm của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và hỗ trợ huyện Cầu Ngang, Duyên Hải đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022 thực hiện Công văn số 1918/BTP-TGPL ngày 10/6/2022 của Bộ Tư pháp về việc thực hiện một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch số 45/KH-BCĐ ngày 22/6/2022 của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025 ban hành Kế hoạch Phân công thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ huyện Cầu Ngang và huyện Duyên Hải đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022.

II. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU “CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT” THUỘC BỘ TIÊU CHÍ XÃ, HUYỆN NÔNG THÔN MỚI, NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

1. Về chuẩn tiếp cận pháp luật xã nông thôn mới (Tiêu chí thành phần 18.4) của Tiêu chí 18 “Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật”

- Để đạt được tiêu chí thành phần 18.4, phải tập trung thực hiện đạt 05 Tiêu chí, 20 chỉ tiêu được quy định tại Điều 3 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và khoản 1 Điều 2 Thông tư số 09/2021/TT-BTP (**bám sát Phụ lục 1**). Bên cạnh phải đảm bảo có đủ 03 điều kiện quy định tại Điều 4 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg.

- Trong quá trình thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu chuẩn tiếp cận pháp luật, đối với tiêu chí 2 và tiêu chí 3 nên chú ý xây dựng các mô hình về phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) và hòa giải ở cơ sở đạt hiệu quả, điển hình để chuẩn bị cho tiêu chí chuẩn tiếp cận pháp luật của xã nông thôn mới nâng cao sau này quy định tại Quyết định số 1723/QĐ-BTP.

- Về quy trình, thủ tục đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Điều 3 Thông tư số 09/2021/TT-BTP.

- Trong trường hợp tổ chức xét, công nhận địa phương đạt nông thôn mới trước thời điểm đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì sử dụng kết quả đánh giá đạt tiêu chí chuẩn tiếp cận pháp luật của năm trước liền kề năm đánh giá hoặc sử dụng kết quả của năm đánh giá nhưng phải tuân thủ theo quy định và văn bản hướng dẫn có liên quan (theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg).

Đề nghị cấp ủy, chính quyền địa phương theo chức năng, thẩm quyền được giao và tình hình thực tiễn sắp xếp, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức phụ trách từng tiêu chí, chỉ tiêu chuẩn tiếp cận pháp luật đảm bảo phù hợp, đề chủ động phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất, góp phần thực hiện đạt chuẩn xã nông thôn mới.

2. Về chuẩn tiếp cận pháp luật xã nông thôn mới nâng cao (tiêu chí 16 “Tiếp cận pháp luật” thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao)

Duy trì, giữ vững đạt chuẩn tiếp cận pháp luật xã nông thôn mới; đồng thời phải đảm bảo đạt 03 chỉ tiêu của tiêu chí 16 “Tiếp cận pháp luật” thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, trong đó nghiên cứu thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 1723/QĐ-BTP, cụ thể:

2.1. Mô hình điển hình về PBGDPL, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận (nội dung tiêu chí, chỉ tiêu 16.1 có từ 01 mô hình trở lên).

- Về mô hình điển hình PBGDPL hoạt động hiệu quả phải đáp ứng yêu cầu tại điểm a, b, c tiêu mục 1 Mục I Phần II của Quyết định số 1723/QĐ-BTP, trong đó:

+ Đạt điểm số tối đa 30 điểm của tiêu chí 2 “Tiếp cận thông tin, PBGDPL” theo quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP. Như vậy, phải thực hiện đầy đủ các nội dung, tài liệu đánh giá (*chứng minh kết quả làm được*), tại 06 chỉ tiêu của tiêu chí 2 theo **Phụ lục 1** của Thông tư số 09/2021/TT-BTP; trường hợp trong năm 2022 xét thấy chưa đảm bảo điểm số tối đa của tiêu chí 2 (điểm a tiêu mục 1 Mục I Phần II của Quyết định số 1723/QĐ-BTP) thì sử dụng kết quả chấm điểm năm 2021 của tiêu chí 3 “PBGDPL” (theo tiêu mục 2 Mục IV Phần I của Quyết định số 1723/QĐ-BTP).

+ Huy động được nguồn lực (con người, kinh phí, cơ sở vật chất,...) hỗ trợ công tác PBGDPL (cập nhật tài liệu chứng minh như: cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, đóng góp kinh phí; người có uy tín, chức sắc tôn giáo,.. tham gia tuyên truyền, PBGDPL).

+ Rà soát, cập nhật bổ sung các văn bản, tài liệu của cơ quan có thẩm quyền cấp huyện (UBND, Phòng Tư pháp, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện...) hướng dẫn, khuyến khích nhân rộng mô hình PBGDPL (xem chỉ tiêu 4 tiêu chí 2 Phụ lục I của Thông tư số 09/2021/TT-BTP). Đồng thời rà soát trong 05 năm gần đây có các mô hình PBGDPL nào như: Câu lạc bộ pháp luật; Thanh niên nói không với ma túy; Khu dân cư an toàn về an ninh trật tự; Phát huy vai trò người có uy tín trong công tác PBGDPL... đã được cơ quan có thẩm quyền cấp huyện trở lên tặng Giấy khen, Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác, nếu chưa có thì khẩn trương lập hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

***Ví dụ: Mô hình điển hình về PBGDPL hiệu quả được công nhận phải đảm bảo thành phần hồ sơ như:**

+ Tên gọi mô hình: “Nông dân 3 tốt”, “Câu lạc bộ tuyên truyền, giáo dục, cảm hóa đối tượng tại cơ sở tôn giáo”, “Phụ nữ quản lý, giáo dục người thân trong

gia đình không phạm tội và tệ nạn xã hội”... Phòng Tư pháp phối hợp các cơ quan chủ quản hoặc UBND cấp xã có văn bản về nhân rộng mô hình tại địa phương.

+ Quyết định, Công văn phân bổ kinh phí cho công tác PBGDPL.

+ Giấy khen, Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác của cơ quan cấp trên về mô hình PBGDPL hiệu quả 05 năm gần nhất.

+ Văn bản, tài liệu triển khai các hoạt động thông qua hình thức, mô hình PBGDPL: Kế hoạch tổ chức, giấy mời, tin bài viết về tổ chức mô hình, báo cáo, các tài liệu liên quan (nếu có).

+ Phiếu lấy ý kiến đánh giá của đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, đại diện ấp, khóm, tổ dân phố trên địa bàn về hình thức, mô hình PBGDPL hiệu quả.

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

PHIẾU LẤY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ

Về hình thức, mô hình PBGDPL hiệu quả tại cơ sở

STT	Tên hình thức, mô hình (1); nội dung đánh giá	Ý kiến đánh giá (2)		Ghi chú
1	Hình thức, mô hình:			
a	Được triển khai trên toàn địa bàn	<input type="checkbox"/> Đồng ý	<input type="checkbox"/> Không đồng ý	
b	Được duy trì thường xuyên, liên tục	<input type="checkbox"/> Đồng ý	<input type="checkbox"/> Không đồng ý	
c	Có khả năng nhân rộng	<input type="checkbox"/> Đồng ý	<input type="checkbox"/> Không đồng ý	
2	Hình thức, mô hình:			
a	Được triển khai trên toàn địa bàn	<input type="checkbox"/> Đồng ý	<input type="checkbox"/> Không đồng ý	
b	Được duy trì thường xuyên, liên tục	<input type="checkbox"/> Đồng ý	<input type="checkbox"/> Không đồng ý	
c	Có khả năng nhân rộng	<input type="checkbox"/> Đồng ý	<input type="checkbox"/> Không đồng ý	
...				

+ Bản tổng hợp kết quả đánh giá hình thức, mô hình PBGDPL hiệu quả tại cơ sở.

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Về hình thức, mô hình PBGDPL hiệu quả tại cơ sở

1. Tổng số hình thức, mô hình đưa ra lấy ý kiến đánh giá:
2. Tổng số ý kiến đánh giá:
3. Kết quả tổng hợp:

STT	Tên hình thức, mô hình (1); nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá			
		Số ý kiến đồng ý	Tỷ lệ % đồng ý (2)	Số ý kiến không đồng ý	Tỷ lệ % không đồng ý (3)
1	Hình thức, mô hình:				
a	Được triển khai trên toàn địa bàn				
b	Được duy trì thường xuyên, liên tục				
c	Có khả năng nhân rộng				
2	Hình thức, mô hình:				
a	Được triển khai trên toàn địa bàn				
b	Được duy trì thường xuyên, liên tục				
c	Có khả năng nhân rộng				
...					

Ghi chú:

- (1) Tên hình thức, mô hình tại mục 1, mục 2 do Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp.
 (2) Tỷ lệ % = Số ý kiến đồng ý/Tổng số ý kiến đánh giá x 100.
 (3) Tỷ lệ % = Số ý kiến không đồng ý/Tổng số ý kiến đánh giá x 100.

- Về mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả phải đáp ứng các yêu cầu tại điểm a, b, c tiêu mục 2 Mục I Phần II của Quyết định số 1723/QĐ-BTP, trong đó:

+ Rà soát, cập nhật, bổ sung đầy đủ các tài liệu đánh giá thực hiện chỉ tiêu 1 và 2 của tiêu chú 3 “Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý” theo **Phụ lục I** của Thông tư số 09/2021/TT-BTP; văn bản phối hợp với Tòa án nhân dân cấp huyện (kể cả công nhận hòa giải thành), Hội Luật gia cấp huyện, các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở, tổ chức, cá nhân có hiểu biết pháp luật trong tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên hoặc tham gia hỗ trợ hòa giải.

+ Tại điểm c tiêu mục 2 Mục I Phần II thực hiện như điểm c tiêu mục 1 mục I Phần II nêu trên.

***Ví dụ: Mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận phải đảm bảo thành phần hồ sơ như:**

+ Tên gọi mô hình: “Tổ hòa giải điểm”, “Câu lạc bộ hòa giải ở cơ sở của ấp, khóm...”, “Phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc Khmer tham gia hòa giải ở cơ sở”... Phòng Tư pháp phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, UBND cấp xã có văn bản về nhân rộng mô hình tại địa phương.

+ Quyết định, Công văn phân bổ kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở.

+ Giấy khen, Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác của cơ quan cấp trên về mô hình hòa giải ở cơ sở hiệu quả 05 năm gần nhất.

+ Văn bản, tài liệu triển khai các hoạt động thông qua hình thức, mô hình hòa giải ở cơ sở: Kế hoạch tổ chức, giấy mời, tin bài viết về tổ chức mô hình, báo cáo, các tài liệu liên quan (nếu có).

+ Phiếu lấy ý kiến đánh giá của đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, đại diện ấp, khóm, tổ dân phố trên địa bàn về hình thức, mô hình hòa giải ở cơ sở hiệu quả.

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

PHIẾU LẤY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ

Về hình thức, mô hình hòa giải ở cơ sở hiệu quả

STT	Tên hình thức, mô hình (1); nội dung đánh giá	Ý kiến đánh giá (2)	Ghi chú
------------	--	----------------------------	----------------

1	Hình thức, mô hình:			
a	Được triển khai trên toàn địa bàn	<input type="checkbox"/> Đồng ý	<input type="checkbox"/> Không đồng ý	
b	Được duy trì thường xuyên, liên tục	<input type="checkbox"/> Đồng ý	<input type="checkbox"/> Không đồng ý	
c	Có khả năng nhân rộng	<input type="checkbox"/> Đồng ý	<input type="checkbox"/> Không đồng ý	
2	Hình thức, mô hình:			
a	Được triển khai trên toàn địa bàn	<input type="checkbox"/> Đồng ý	<input type="checkbox"/> Không đồng ý	
b	Được duy trì thường xuyên, liên tục	<input type="checkbox"/> Đồng ý	<input type="checkbox"/> Không đồng ý	
c	Có khả năng nhân rộng	<input type="checkbox"/> Đồng ý	<input type="checkbox"/> Không đồng ý	
...				

+ Bản tổng hợp kết quả đánh giá hình thức, mô hình PBGDPL hiệu quả tại cơ sở.

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Về hình thức, mô hình hòa giải ở cơ sở hiệu quả

1. Tổng số hình thức, mô hình đưa ra lấy ý kiến đánh giá:
2. Tổng số ý kiến đánh giá:
3. Kết quả tổng hợp:

STT	Tên hình thức, mô hình (1); nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá			
		Số ý kiến đồng ý	Tỷ lệ % đồng ý (2)	Số ý kiến không đồng ý	Tỷ lệ % không đồng ý (3)
1	Hình thức, mô hình:				
a	Được triển khai trên toàn địa bàn				

b	Được duy trì thường xuyên, liên tục				
c	Có khả năng nhân rộng				
2	Hình thức, mô hình:				
a	Được triển khai trên toàn địa bàn				
b	Được duy trì thường xuyên, liên tục				
c	Có khả năng nhân rộng				
...					

Ghi chú:

- (1) Tên hình thức, mô hình tại mục 1, mục 2 do Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp.
- (2) Tỷ lệ % = Số ý kiến đồng ý/Tổng số ý kiến đánh giá x 100.
- (3) Tỷ lệ % = Số ý kiến không đồng ý/Tổng số ý kiến đánh giá x 100.

*** Lưu ý:** Đối với nội dung chỉ tiêu 16.1, đòi hỏi vừa phải có ít nhất 01 mô hình điển hình về PBGDPL và 01 mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở. Không sử dụng mô hình điển hình về PBGDPL để công nhận cho mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở hoặc ngược lại.

Về việc công nhận mô hình điển hình về PBGDPL, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả dựa trên kết quả, ý kiến đánh giá có từ 80% trở lên đồng ý thì mô hình đó đạt hiệu quả (theo hướng dẫn tại Mục II **Phụ lục I** của Thông tư số 09/2021/TT-BTP).

2.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành đạt từ 90% trở lên (nội dung tiêu chí, chỉ tiêu 16.2)

Để đạt được nội dung tiêu chí, chỉ tiêu 16.2 UBND cấp xã cần phải hướng dẫn cụ thể cho các Tổ hòa giải ở cơ sở xác định chính xác phạm vi hòa giải ở cơ sở đối với các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở.

*** Lưu ý:** Liên quan đến hòa giải tranh chấp đất đai, theo quy định tại khoản 1 Điều 202 Luật đất đai 2013 “Nhà nước **khuyến khích** các bên tranh chấp đất đai tự hòa giải hoặc giải quyết tranh chấp đất đai thông qua hòa giải ở cơ sở”. Do đó, UBND cấp xã không giao các vụ, việc tranh chấp đất đai tại địa phương cho các tổ hòa giải ở cơ sở tiếp nhận hòa giải nhằm tăng tỷ lệ hòa giải thành của các Tổ hòa giải ở cơ sở để đạt tiêu chí, chỉ tiêu 16.2.

2.3. Nâng cao nhận thức, thông tin về trợ giúp pháp lý; tăng cường khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Trợ giúp pháp lý, nhất là các quy định về “Người được trợ giúp pháp lý, quyền và nghĩa vụ của người được trợ giúp pháp lý...”; lập danh sách thống kê người thuộc diện trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý, nhất là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng mà UBND cấp xã có được thông tin theo quy định giới thiệu đến Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh thuộc Sở Tư pháp để thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý nhằm đảm bảo tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đạt từ 90% trở lên nhằm đảm bảo chỉ tiêu 3, tiêu chí 3 Phụ lục I của Thông tư số 09/2021/TT-BTP và tiêu mục 3 Mục III Phần II của Quyết định số 1723/QĐ-BTP.

Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp (*qua Phòng Văn bản, Phổ biến và Theo dõi thi hành pháp luật; số điện thoại 02943.866409*) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nội vụ tỉnh;
- VP. UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới – Sở NN&PTNN;
- GD, các PGD Sở Tư pháp;
- Lưu VT, VBPB&TDTHPL.

GIÁM ĐỐC

Lâm Sáng Tươi